

Số: 01 /KH-MNG 2-5T ĐẦU

Phúc Khánh, ngày 19 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
LỚP MN GHÉP 2, 3, 4, 5 TUỔI LÀNG ĐẦU NĂM HỌC 2025 - 2026

NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Thông tư số 01/VBHN- BGDĐT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục mầm non;

- Căn cứ Quyết định số 796/QĐ- UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Lào Cai quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-MN ngày 27/08/2025 của trường MN số 1 Phúc Khánh về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 165/ QĐ- MN ngày 27/8/2025 của HT trường MN số 1 Phúc Khánh. QĐ về việc ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-MN ngày 9/9/2025 của trường MN số 1 Phúc Khánh kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 196/KH-MN ngày 10/9/2025 của trường MN số 1 Phúc Khánh kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025 - 2026;

- Căn cứ kế hoạch số 4222/QĐ-BGDĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chuẩn phát triển của trẻ em 5 tuổi;

- Căn cứ vào tình hình thực tế lớp mầm non ghép 2, 3, 4, 5 tuổi Làng Đầu năm học 2025 – 2026;

- Lớp mầm non ghép 2, 3, 4, 5 tuổi Làng Đầu xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025 - 2026 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Đặc điểm tình hình chung

Lớp MN ghép 2,3,4,5 tuổi Làng Đầu có:

- Tổng số trẻ: 26 trẻ. Trong đó: 2 tuổi 3 trẻ, 3 tuổi 5 trẻ, 4 tuổi 9 trẻ, 5 tuổi 9 trẻ. Có 26 trẻ dân tộc; nữ 7 trẻ, nam 19 trẻ, nữ dân tộc: 7 trẻ.

- 02/02 giáo viên đều có trình độ trên chuẩn

- Có 01 phòng học, 01 nhà bếp, 01 phòng kho, 01 nhà vệ sinh, có sân chơi rộng, có 01 khu vui chơi được dải thảm và bắn mái tôn đảm bảo các điều kiện cơ bản an toàn cho trẻ khi học tại lớp.

- Có vườn rau, vườn hoa rộng thích hợp cho trẻ quan sát và cung cấp rau sạch cho trẻ ăn hàng ngày tại trường.

2. Thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi:**

- Lớp luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của BGH nhà trường và các cấp lãnh đạo, sự nhiệt tình ủng hộ của các bậc phụ huynh.

- Trong lớp có đầy đủ các đồ dùng vệ sinh của nhóm lớp, đồ dùng vệ sinh cá nhân của trẻ đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ.

- Được trang bị đầy tương đối đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các hoạt động của cô và trẻ.

- Lớp có 2/2 giáo viên đều có trình độ trên chuẩn, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề mến trẻ.

- Luôn được bậc cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương tin yêu, ủng hộ.

- Đa số phụ huynh đồng tình cao trong việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, thường xuyên phối hợp với cô giáo và nhà trường làm tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe, giáo dục cho trẻ.

*** Khó khăn**

- Trẻ trong lớp ghép có 4 độ tuổi khác nhau từ 2 đến 5 tuổi; 100% trẻ là dân tộc thiểu số nên nhận thức của trẻ không đồng đều.

- Một số trẻ mới ra lớp chưa có nề nếp, còn khóc nhiều.

- Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến con, em mình; Đa số phụ huynh là nông dân nên chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục cho con, em mình; đặc biệt là trẻ sống với ông bà lớn tuổi.

II. CHỈ TIÊU

1. Chỉ tiêu chung

- Về giáo viên:

+ Giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo. Có tác phong, phong cách làm việc khoa học. Giáo viên có về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi nâng cao kiến thức về chuyên môn.

+ Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo hướng phát triển toàn diện trẻ em. Thực hiện soạn giảng theo đúng chương trình kế hoạch.

+ Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với chính quyền địa phương, phụ huynh để cùng thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Về học sinh:

+ Đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, đảm bảo tỉ lệ chuyên cần.

+ Trẻ đảm bảo về kiến thức, kĩ năng theo độ tuổi.

+ Đảm bảo an toàn về tinh thần và thể chất cho trẻ.

+ 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ ngày.

+ 100% trẻ đến trường được theo dõi biểu đồ sức khỏe và chằm biểu đồ tăng trưởng.

1. Chỉ tiêu cụ thể

- Về học sinh

+ Đảm bảo chuyên cần đạt 90-95% trở lên.

+ 100% số trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường. Đảm bảo vệ sinh ATTP. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn...Trẻ ăn đúng thực đơn theo ngày, theo mùa.

+ 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

+ 100 % trẻ được khám, theo dõi biểu đồ sức khỏe theo quy định

+ 100% các cháu được rửa mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.

+ Trẻ có nề nếp thói quen tốt trong kỹ năng sống.

+100% trẻ PTBT về cân nặng và chiều cao.

+ 100% trẻ các độ tuổi được thực hiện đầy đủ nội dung, đạt các mục tiêu trong chương trình giáo dục mầm non.

+ Thực hiện có hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1, 100% trẻ được bàn giao cho tiểu học.

- Về giáo viên:

+ Tích cực bồi dưỡng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: 02/02 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

+ 02/02 giáo viên có đầy đủ các loại kế hoạch cá nhân, hoàn thành các chương trình bồi dưỡng.

+ Phấn đấu 2/2 giáo viên được đánh giá từ chuyên môn khá, chuẩn nghề nghiệp: tốt và viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Làm tốt công tác tuyển sinh đầu năm học. Duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt từ 90-95% trở lên.

- Xây dựng kế hoạch chăm sóc- giáo dục phù hợp với độ tuổi, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, nhóm lớp.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của ngành, của trường.

- Thực hiện theo đúng chương trình kế hoạch

- Thực hiện đánh giá trẻ khách quan, đúng theo từng chủ đề, học kì.

- Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ về thể chất và tinh thần, đảm bảo an toàn thực phẩm

- Chuẩn bị và tổ chức tốt công tác ăn bán trú cho trẻ tại lớp, thực hiện tốt các quy định để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Phối hợp với Hiệu phó phụ trách dinh dưỡng xây dựng thực đơn cho trẻ phù hợp với lứa tuổi, thay đổi theo tuần, theo mùa để giúp trẻ phát triển khỏe mạnh, cân đối.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh ATTP cho trẻ. Tuyên truyền phụ huynh hỗ trợ các “Bữa ăn dinh dưỡng của bé” để bổ sung thêm dinh dưỡng, cải thiện bữa ăn cho trẻ. Tuyên truyền đến phụ huynh chăm sóc, can thiệp sớm đến trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi.

- Đảm bảo an toàn về tinh thần và thể chất cho trẻ trong thời gian ở trường, phòng tránh các tai nạn, thương tích cho trẻ, sát sao với trẻ mọi lúc mọi nơi

- Xây dựng môi trường trong và ngoài lớp xanh- sạch- đẹp đảm bảo an toàn và tạo hứng thú cho trẻ thích đến trường lớp.

- Sử dụng đồ dùng trực quan sinh động, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong hoạt động học để đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học. Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, linh hoạt hình thức tổ chức tiết dạy tạo hứng thú cho trẻ tham gia các hoạt động.

- Tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn về chuyên môn giáo viên. Tích cực tự bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật kiến thức mới về giáo dục mầm non.

- Tiến hành học BDTX theo đúng kế hoạch cá nhân đã xây dựng.

- Đánh giá trẻ và có kế hoạch bồi dưỡng trẻ yếu để đảm bảo kiến thức kỹ năng theo độ tuổi.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền tại nhóm lớp.

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

*** Trẻ 24-36 tháng tuổi:**

+ Tổ chức ăn:

- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ ngày/trẻ: 930 - 1000 Kcal

- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 70 nhu cầu cả ngày): 600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ buổi chiều.

+ Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 40% đến 45% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày.

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

+ **Tổ chức ngủ:**

Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

+ **Vệ sinh:**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

+ Chăm sóc sức khỏe và an toàn:

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

* **Trẻ 3,4,5 tuổi:**

+ **Tổ chức ăn:**

- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng

- Số bữa ăn tại trường

- Tỷ lệ các chất

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

+ Tổ chức ngủ:

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
- Bố trí chỗ ngủ yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông
- Cho trẻ nghe những bài hát ru dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ
- Hướng dẫn trẻ làm một số công việc vừa sức sau khi ngủ dậy: cất gối, xếp chăn, chiếu.

- Nhắc nhở trẻ đi vệ sinh

+ Vệ sinh:

- Vệ sinh cá nhân:
 - + Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng vệ sinh cá nhân: rửa tay, rửa mặt
 - + Chăm sóc và hướng dẫn trẻ vệ sinh cá nhân
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

+ Chăm sóc sức khỏe và an toàn:

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp

2. Giáo dục

A. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRẺ 5 TUỔI

Lĩnh vực	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	<ul style="list-style-type: none"> - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Cân nặng bình thường của trẻ trai: 15,9- 27,8 kg, Trẻ gái 15,3- 27,1 kg + Chiều cao bình thường của trẻ trai: 106,1- 125,8cm, trẻ gái: 104,9- 125,4 cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao. - Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi <p>a. Phát triển vận động</p> <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay:

	<p>- Có một số tổ chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ</p> <p>- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.</p> <p>- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế</p>	<p>+ Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).</p> <p>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</p> <p>- Lưng, bụng, lườn:</p> <p>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>- Chân:</p> <p>+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.</p> <p>+ Nhảy lên, đưa hai chân sang ngang; Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau</p> <p>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động</p> <p>- Đi và chạy:</p> <p>+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.</p> <p>+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. (0,3m - 0,4 m)</p> <p>+ Đi nổi bàn chân tiến, lùi.</p> <p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh.</p> <p>+ Chạy 18 m trong khoảng 10 giây.</p> <p>+ Chạy chậm khoảng 100-120m</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay, bàn chân 4- 5m. <i>(Bò bằng bàn tay, bàn chân 5- 6m)</i></p> <p>+ Bò dích dắc qua 7 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua ống dài 1,5 m x 0,6 m.</p> <p>+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>+ Trèo lên xuống 7 gióng thang</p>
--	---	--

	<p>- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40- 50cm + Bật- nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm) + Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô (<i>Bật tách chân. khếp chân qua 10 ô</i>) + Bật qua vật cản cao 15 - 20 cm + Nhảy lò cò 5m <p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn - Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung - Tô, đồ theo nét - Cài, cởi cúc, kéo khóa(phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây
	<p>- Có một số hiểu biết về một số thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</p>	<p>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p>1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.

	<p>- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn cho bản thân.</p>	<p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.)</p> <p>2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</p> <p>- Tập luyện kỹ năng: Lau mặt, đánh răng, rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p> <p>3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</p> <p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.(không xem tivi và điện thoại khi ăn, uống)</p> <p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <p>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng</p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p>
<p>Lĩnh vực phát triển nhận thức</p>	<p>- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.</p>	<p><i>a. Khám phá khoa học.</i></p> <p>1. Các bộ phận của cơ thể con người</p> <p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>2. Đồ vật</p>

	<p>- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.</p>	<p>- Đồ dùng, đồ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. <p>- Phương tiện giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
	<p>- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.</p>	<p>3. Động vật và thực vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
	<p>- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh</p>	<p>4. Một số hiện tượng tự nhiên</p> <p>- Thời tiết, mùa</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

		<p>- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</p> <p>+ Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</p> <p>- Nước</p> <p>+ Các nguồn nước trong môi trường sống.</p> <p>+ Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</p> <p>+ Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>+ Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Không khí, ánh sáng</p> <p>+ Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p> <p>- Đất đá, cát sỏi</p> <p>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>
	<p>- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p>	<p>b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>1. Tập hợp, số lượng và số thứ tự và đếm</p> <p>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> <p>- Các chữ số số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10</p> <p>- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách và đếm.</p> <p>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). số điện thoại, 114, 115...</p> <p>2. Xếp tương ứng</p> <p>- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</p>

		<p>3. So sánh sắp xếp theo quy tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp <p>4. Đo lường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo <p>5. Hình dạng .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các hình khối đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. <p>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ trong tuần. <p>c, Khám phá xã hội</p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
--	--	--

		<p>- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn)(Ông, bà, cô dì, chú, bác bên nội, bên ngoại). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.</p> <p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</p> <p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.</p>
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	<p>- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.</p>	<p>1. Nghe</p> <p>- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa</p> <p>- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp</p> <p>- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng gia, tục ngữ...phù hợp với độ tuổi.</p>
		<p>2. Nói</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “ Tại sao?”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?”; “ Do đâu mà có”. - Đặt các câu hỏi: “ Tại sao?”; “ Như thế nào?”; “ Làm bằng gì?”. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận được vận điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao đồng dao phù hợp với độ tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện 	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật , theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự - Đóng kịch.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. 	<p>3. Làm quen với đọc viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: (Nhà vệ sinh, lối ra, biển báo giao thông, nơi nguy hiểm, đường cho người đi bộ) - Nhận dạng các chữ cái. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

		<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết TV + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “ Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân. 	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân + Sở thích, khả năng của bản thân. + Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. + Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. + Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Không chơi các trò chơi mang tính bạo lực (Game, bắn súng, đê ché)
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc

		<p>nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.</p> <p>+ Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</p> <p>+ Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.</p> <p>- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè</p> <p>+ Kính yêu Bác Hồ.</p> <p>+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p>
	<p>- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.</p> <p>- Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.</p>	<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <p>- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p> <p>+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.(Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)</p> <p>+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.</p> <p>+ Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.</p> <p>+ Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình</p> <p>+ Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.</p> <p>+ Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt” - “xấu”.</p>
		<p>- Quan tâm đến môi trường</p> <p>+ Tiết kiệm điện, nước</p> <p>+ Giữ gìn vệ sinh môi trường</p> <p>+ Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối</p>
Lĩnh vực phát	<p>- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</p>	<p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp .của các sự vật, hiện</p>

triển thẩm mĩ		tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.	2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau.(nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui , buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục
	- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; Có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.	3. Thể hiện sự sáng tạo trong tham gia các hoạt động nghệ thuật. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
--	--	---

B. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRẺ 4 TUỔI

Lĩnh vực	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	<ul style="list-style-type: none"> - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. CNBT: Trẻ trai: 14,1- 24,9 kg, Trẻ gái 13,7- 24,2 kg CCBT: Trẻ trai: 100,7- 119,2 cm, Trẻ gái: 99,9- 118,9 Cm - Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. 	<p>Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi <p>a, Phát triển vận động</p> <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). <ul style="list-style-type: none"> + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.

	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế 	<p>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60- 80m. - Bò, trườn, trèo: <ul style="list-style-type: none"> + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. (Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m) + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật - nhảy: <ul style="list-style-type: none"> + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. (Bật tách chân, khép chân qua 7 ô) + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay 	<p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gấp giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số hiểu biết về một số thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. 	<p>b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p>1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn cho bản thân. 	<p>2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. <p>3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe(Không xem tivi và điện thoại khi ăn, uống) - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.

		<ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
<p>Lĩnh vực khám phá khoa học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. 	<p>a, Khám phá khoa học</p> <p>1. Các bộ phận của cơ thể con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. <p>2. Đồ vật:</p> <p>* Đồ dùng, đồ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. <p>* Phương tiện giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. 	<p>3. Động vật và thực vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

		<p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p>
	<p>- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.</p>	<p>4. Một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. Nước - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. Không khí, ánh sáng - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. Đất đá, cát, sỏi - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>
	<p>- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p>	<p>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán 1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, <i>(số điện thoại, 114, 115...)</i>) 2. Xếp tương ứng - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. 3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc</p>

		<p>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p> <p>4. Đo lường</p> <p>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</p> <p>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.</p> <p>5. Hình dạng</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.</p> <p>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</p> <p>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian</p> <p>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).</p> <p>- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.</p> <p>c. Khám phá xã hội</p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <p>- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.</p> <p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</p> <p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự</p>
--	--	--

		kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng cảm nhận được vận điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện 	<p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Đóng kịch
	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. 	<p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng một số chữ cái.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội.	1. Ý thức về bản thân <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân. - Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực 	1. Phát triển tình cảm <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ý thức về bản thân</i> - Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói ; trò chơi ; hát, vận động ; vẽ, nặn, xếp hình. - Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	2. Phát triển kỹ năng xã hội <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - <i>Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>

	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - <i>Quan tâm đến môi trường</i> - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
Phát triển thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. 	<p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; Có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp. 	<p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. 	<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
--	--	--

C. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRẺ 3 TUỔI

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung
	<p>Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng bình thường của bé trai: 12,7 - 21,2 kg - Chiều cao bình thường của bé trai: 94,9 - 111,7 cm - Cân nặng bình thường của bé gái: 12,3 - 21,5 kg - Chiều cao bình thường của bé gái: 94,1 - 111,3 cm <p>Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</p> <p>Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.</p>	<p>Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.

	<p>Có một số hiểu biết về một số thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</p> <p>Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn cho bản thân.</p> <p>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. <p>4. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). <p>5. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh <p>6. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. (<i>Không xem ti vi và điện thoại khi ăn, uống</i>) - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
<p>Phát triển nhận thức</p>	<p>Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.</p> <p>Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.</p>	<p>1. Các bộ phận của cơ thể con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. <p>2. Đồ vật:</p> <p>Đồ dùng, đồ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <p>Phương tiện giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.

	<p>Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.</p> <p>Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p>	<p>3. Động vật và thực vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. <p>4. Một số hiện tượng tự nhiên:</p> <p><i>Thời tiết, mùa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. <p><i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. <p><i>Nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. <p><i>Không khí, ánh sáng</i></p> <p>Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p> <p><i>Đất đá, cát, sỏi</i></p> <p>Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</p> <p><i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i></p> <p>1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. <p>2. Xếp tương ứng</p> <p>Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.</p> <p>3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ. <p>4. Đo lường</p> <p>5. Hình dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình
--	---	--

	<p>Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.</p>	<p>chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các hình hình học để ghép. <p>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian. Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</p> <p>c) Khám phá xã hội</p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
<p>Phát triển ngôn ngữ</p>	<p>Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.</p> <p>Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)</p>	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.

	<p>Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>Có khả năng cảm nhận được vận điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao đồng dao phù hợp với độ tuổi.</p> <p>Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. <p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
<p>Phát triển tình cảm và kỹ</p>	<p>Có ý thức về bản thân.</p> <p>Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực.</p> <p>Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</p>	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. <p>- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.

<p>năng xã hội</p>	<p>Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.</p> <p>Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Một số quy định ở lớp và gia đình (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Quan tâm đến môi trường - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
<p>Phát triển thẩm mỹ</p>	<p>Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; Có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.</p>	<p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng tô, vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.

	<p>Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình.</p> <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
--	--	--

D. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI.

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung
	<p>Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng bình thường của trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg; Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg - Chiều cao bình thường của trẻ trai: 88,7 - 103,5 cm; Trẻ gái: 87,4 - 102,7 cm. <p>Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.</p> <p>Có một số tố chất vận động ban đầu (Nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)</p>	<p>Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cân nặng và chiều cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.. <p>2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập bò, trườn: <ul style="list-style-type: none"> + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản. + Bò zích zắc qua 3 điểm - Tập đi, chạy:

<p>Phát triển thể chất</p>	<p>Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay.</p> <p>Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.</p> <p>Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung- bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích (<i>từ 1.5m - 2m</i>) <p>3. Các cử động của bàn tay , ngón tay và phối hợp tay mắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây,cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. <p>4. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; <i>Rửa tay sau khi đi vệ sinh, rửa tay khi tay bẩn</i>; vứt rác đúng nơi quy định. <p>5. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ.
-----------------------------------	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. <p>6. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
<p style="text-align: center;">Phát triển nhận thức</p>	<p>Thích tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh Có sự nhạy cảm của các giác quan</p> <p>Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.</p> <p>Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt để</p>	<p>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua- cay) <p>2. Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bộ phận của cơ thể con người - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, <i>trán, cằm, má...</i> - Một số đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian. - Màu đỏ, vàng, xanh, <i>đen, trắng</i>

	<p>hiểu biết bằng những câu nói đơn giản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông, <i>hình tam giác</i> - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. - Bản thân, người gần gũi - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
<p>Phát triển ngôn ngữ</p>	<p>Nghe hiểu các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.</p> <p>Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.</p> <p>Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.</p>	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?,.... thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. <p>3. Làm quen với sách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

<p>Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</p>	<p>Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.</p> <p>Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.</p> <p>Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt</p> <p>Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện...</p>	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <p><i>- Ý thức về bản thân</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân và bạn. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. <p><i>- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc, hành động.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. <p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <p><i>- Mọi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. <p><i>- Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn, không đánh bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. <p>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</p> <p><i>- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. <p><i>- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem Tranh.
--	---	--

3. Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện các chủ đề trong năm học

Số thứ tự chủ đề giáo dục thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
	2 Tuần: 8/9/ 2025 - 19/9/2025	
Trường mầm non	- Trường mầm non của bé	- Tuần 1: 8/9 - 12/9/2025
	- Lớp học của bé (Làm cái bàn- EDP)	- Tuần 2: 15/9 - 19/9/2025
	4 Tuần: 22/9/2025- 17/10/2025	
Bản thân	- Tôi là ai?	- Tuần 3 : 22/9 - 26/9/2025
	- Tết trung thu((Làm đèn lồng EDP)	- Tuần 4: 29/9 - 03/10/2025
	- Cơ thể tôi	- Tuần 5: 06/10 - 10/10/2025
	- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh?	- Tuần 6: 13/10 - 17/10/2025
	4 Tuần: 20/10/2025- 14/11/2025	
Gia đình	- Gia đình bé ((Dự án STEAM làm khung ảnh)	- Tuần 7: 20/10- 24/10/2025
	- Ngôi nhà gia đình ở.	- Tuần 8: 27/10 - 31/10/2025
	- Đồ dùng trong gia đình.	- Tuần 9: 03/11- 07/11/2025
	- Họ hàng gia đình	- Tuần 10: 10/11- 14/11/2025
	5 Tuần: 17/11/2025 - 19/12/2025	

Nghề nghiệp	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	- Tuần 11: 17/11- 21/11/2025	
	- Một số nghề phổ biến và quen thuộc	- Tuần 12: 24/11- 28/12/2025	
	- Nghề truyền thống, nghề sản xuất	- Tuần 13: 01/12- 05/12/2025	
	- Nghề dịch vụ	- Tuần 14: 08/12- 12/12/2025	
	- Ngày 22- 12 (làm thiệp tặng chú bộ đội - EDP)	- Tuần 15: 15/12- 19/12/2025	
4 Tuần: 22/12/2025 - 16/01/2026			
Thế giới Động vật	- Động vật sống trong gia đình (Dự án làm con vật bằng lá cây)	- Tuần 16: 22/12- 26/12/2025	
	- Động vật sống trong rừng	- Tuần 17: 29/12- 02/01/2026	
	- Động vật sống dưới nước	- Tuần 18: 05/01- 09/01/2026	
	- Côn trùng và chim	- Tuần 19: 12/01- 16/01/2026	
	5 Tuần: 19/01/2026 - 06/3/2026		
Thế giới Thực vật	- Một số loại cây	- Tuần 20: 19/01- 23/01/2026	
	- Một số loại rau	- Tuần 21: 26/01 - 30/01/2026	
	- Một số cây lương thực	- Tuần 22: 02/02- 06/02/2026	
	Tết và mùa xuân (Dự án Steam: Vườn hoa mùa xuân)	- Tuần 23: 09/2 - 13/2/2026	
	Nghỉ Tết âm lịch (16/02 - 27/02)		
	- Một số loại hoa quả + Ngày mừng 8/3	- Tuần 24: 02/3 - 06/3/2026	

	3 Tuần: 09/03/2026 - 27/4/2026	
Phương tiện giao thông	- Một số PTGT đường bộ, đường thủy (Dự án Steam: làm ô tô tải)	- Tuần 25: 09/03- 13/03/2026
	- Một số PTGT đường sắt, đường hàng không	- Tuần 26: 16/03- 20/03/2026
	- Luật lệ giao thông	- Tuần 27: 23/03 - 27/4/2026
	3 Tuần: 30/3/2026 - 17/4/2026	
Nước và hiện tượng tự nhiên	- Nước.	- Tuần 28: 30/3- 03/4/2026
	- Một số hiện tượng thời tiết (Khám phá về gió- 5E)	- Tuần 29: 06/4 - 10/4/2026
	- Các mùa trong năm	- Tuần 30: 13/4 - 17/4/2026
	3 Tuần: 20/4/ 2026 - 08/5/2026	
Quê hương đất nước, Bác Hồ	- Quê hương yêu quý	- Tuần 31: 20/4 - 24/4/2026
	- Đất nước diệu kỳ(làm lá cờ tổ quốc- 5 E)	- Tuần 32: 27/4 - 29/4/2026
	- Bác Hồ kính yêu.	- Tuần 33: 04/5 - 08/5/2026
	2 Tuần: 11/5/ 2026 - 22/5/2026	
Trường tiểu học	- Trường tiểu học	- Tuần 34: 11/5 - 15/5/ 2026
	- Chuẩn bị cho bé vào lớp 1 (Làm ống đựng bút- EDP)	- Tuần 35: 18/5 - 22/5/2026

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lớp Mầm non ghép 2, 3, 4, 5 tuổi Làng Đầu năm học 2025- 2026./.

Nơi nhận

- BGH nhà trường;
- TCM,

Người xây dựng

- Lớp



Hoàng Thị Huệ

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN



Hoàng Thị Huệ